

# LỒNG GHÉP GIỚI VÀO CHU TRÌNH DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG



# LỒNG GHÉP GIỚI

## VÀO CHU TRÌNH

### DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

In 2.250 cuốn khổ 14,8x21 cm tại Công ty TNHH In và Thương mại Mê Linh, số 460 Trần Quý Cáp, Quận Đống Đa, Hà Nội theo Giấy phép xuất bản số 28-2022/CXBIPH/1-02/DT ngày 6/1/2022. Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế - ISBN: 978-604-344-826-9. In xong và nộp lưu chiểu tháng 1/2022

# MỤC LỤC

<b>LỜI NÓI ĐẦU</b>	<b>04</b>
<b>I. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN</b>	<b>05</b>
1. Quyền và Nhu cầu	05
2. Quyền con người, quyền công dân, nguyên tắc cơ bản	06
3. Giới và Giới tính	07
4. Định kiến giới	09
5. Phân biệt đối xử về giới	09
6. Xã hội hóa về giới	10
7. Vai trò giới	11
8. Nhu cầu giới	14
<b>II. BÌNH ĐẲNG GIỚI</b>	<b>17</b>
1. CEDAW - Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ	17
2. Pháp luật Việt Nam về bình đẳng giới	18
3. Bình đẳng giới và các cách tiếp cận	20
4. Biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới	23
<b>III. BẤT BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ CÁCH NHẬN BIẾT</b>	<b>25</b>
1. Bất bình đẳng giới	25
2. Nhận biết về bất bình đẳng giới	26
<b>IV. PHÂN TÍCH GIỚI</b>	<b>26</b>
<b>V. LỒNG GHÉP GIỚI VÀO CHU TRÌNH QUẢN LÝ DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG</b>	<b>29</b>
1. Khái niệm lồng ghép giới	29
2. Tại sao phải lồng ghép giới vào dự án phát triển?	30
3. Dự án phát triển cộng đồng	31
4. Lồng ghép giới vào chu trình quản lý dự án phát triển cộng đồng	35
<b>VI. TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	<b>42</b>

## LỜI NÓI ĐẦU

Định kiến giới đã ăn sâu vào nếp nghĩ của nhiều người, bao gồm cả nữ giới và nam giới. Ở Việt Nam, quyền bình đẳng nam nữ đã được ghi trong Hiến pháp và nhiều văn bản pháp luật, đặc biệt được trình bày kỹ lưỡng trong Luật bình đẳng giới (11/2006).

Nhà nước cũng như các dự án phát triển trong nước và quốc tế đã hỗ trợ và thúc đẩy bình đẳng giới trong nhiều chương trình/dự án tại Việt Nam. Tuy nhiên phụ nữ và các bé gái hiện vẫn đang chịu nhiều thiệt thòi trong tất cả các lĩnh vực của đời sống.

Trong từng gia đình, trong mỗi cộng đồng thôn xóm và toàn xã hội nói chung, chỉ có số ít người thực sự hiểu đúng khái niệm bình đẳng giới thực chất. Bởi vậy, các phát ngôn định kiến giới, thái độ, hành vi và hiện trạng bất bình đẳng giới nhiều khi vẫn được coi là đương nhiên, thậm chí đôi khi còn được coi là nét đẹp văn hóa truyền thống cần được duy trì.

Viễn cảnh mà Trung tâm Hỗ trợ Phát triển vì Phụ nữ và Trẻ em (DWC) mong muốn là một Việt Nam không còn đói nghèo, nơi mà phụ nữ và trẻ em được tham gia bình đẳng vào tất cả các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và được hưởng các quyền một cách công bằng. Trung tâm DWC luôn lồng ghép giới vào tất cả mọi hoạt động của các dự án.

Với sự tài trợ của Tổ chức Bánh mì cho Thế giới - BftW, cuốn sách “Lồng ghép giới vào chu trình quản lý dự án phát triển cộng đồng” sẽ giúp các độc giả hiểu sâu hơn về một số khái niệm giới cơ bản, biết cách phân tích giới và lồng ghép giới vào các hoạt động phát triển cộng đồng, thu hẹp khoảng cách giới và góp phần thúc đẩy bình đẳng giới thực chất tại Việt Nam./.

*Bùi Thị Kim và tập thể cán bộ DWC*

## I. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN

### 1. QUYỀN VÀ NHU CẦU

NHU CẦU	QUYỀN
	
Mong muốn và nguyện vọng của con người	Theo công bằng và chính đáng con người được hưởng và được phép làm
Có thể được đáp ứng hoặc không được đáp ứng	Bắt buộc phải được đáp ứng
Mang tính cá nhân và từ thiện	Mang tính trách nhiệm và nghĩa vụ pháp lý đối với tất cả mọi người
Phụ thuộc vào hoàn cảnh cá nhân và môi trường – Mỗi người có nhu cầu khác nhau	Mang tính phổ quát, giống nhau ở mọi nơi
Có thể bị cắt giảm, khi hoàn cảnh bắt buộc	Không được phép cắt giảm, mà càng ngày càng mở rộng
Trách nhiệm không thuộc Nhà nước	Trách nhiệm thuộc về Nhà nước

## 2. QUYỀN CON NGƯỜI, QUYỀN CÔNG DÂN, NGUYÊN TẮC CƠ BẢN

### QUYỀN CON NGƯỜI

- Là những quyền tự nhiên của con người, không bị tước bỏ bởi bất cứ ai và bất cứ chính thể nào, là những bảo đảm pháp lý toàn cầu có tác dụng bảo vệ các cá nhân và các nhóm chống lại những hành động hoặc sự bỏ mặc làm tổn hại đến nhân phẩm, những tự do cơ bản của con người.

Là những quyền mà pháp luật cần phải thừa nhận đối với tất cả mọi người. Đó là quyền tối thiểu mà các cá nhân phải có, những quyền mà các nhà lập pháp không được xâm hại.

- Thiết chế có trách nhiệm đảm bảo những quyền này là Nhà nước.

### QUYỀN CÔNG DÂN

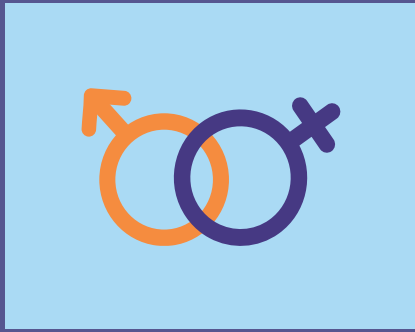

- Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, là những quyền, nghĩa vụ được Nhà nước quy định trong Hiến pháp.
- Những quyền và nghĩa vụ này được Hiến pháp quy định cho tất cả mọi công dân không quy định cho từng người trong từng điều kiện hoàn cảnh cụ thể.

### MỘT SỐ NGUYÊN TẮC CƠ BẢN CỦA QUYỀN CON NGƯỜI

- **Phổ cập:** Là mọi nguyên tắc đều được áp dụng với tất cả mọi người.
- **Không tách rời:** Các quyền có mối quan hệ với nhau, thực hiện quyền này sẽ bổ sung cho việc đáp ứng các quyền khác, các quyền không tách rời nhau.
- **Phụ thuộc:** Các quyền có mối quan hệ gắn kết với nhau, việc công nhận một quyền phụ thuộc vào việc công nhận các quyền khác.

- **Bình đẳng và không phân biệt đối xử:** Tất cả mọi người đều được hưởng quyền mà không bị phân biệt đối xử dưới bất kỳ hình thức nào.
- **Tham gia và bao trùm:** Tất cả mọi người được chủ động, tự do, tham gia, đóng góp và thụ hưởng một cách có ý nghĩa các quyền của họ.

## 3. GIỚI VÀ GIỚI TÍNH

GIỚI TÍNH	GIỚI
	
Chỉ các đặc điểm sinh học của nam giới và nữ giới	Chỉ đặc điểm, vị trí, vai trò của nam giới và nữ giới trong tất cả các mối quan hệ xã hội
Đặc trưng sinh học	Đặc trưng xã hội
Bẩm sinh	Do dạy và học mà có
Đồng nhất, giống nhau ở mọi nơi	Đa dạng, khác nhau ở mỗi gia đình, cộng đồng, quốc gia
Các đặc điểm giới tính không thay đổi qua các thế hệ	Các đặc điểm về giới thay đổi theo quá trình phát triển

**VÍ DỤ: PHÂN BIỆT MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM GIỚI VÀ GIỚI TÍNH**

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CỦA NAM GIỚI VÀ NỮ GIỚI	GIỚI TÍNH	GIỚI
Nam giới thường có râu.	X	
Phụ nữ thường thích nấu ăn.		X
Phụ nữ cho con bú bằng sữa mẹ.	X	
Phụ nữ thường dịu dàng hơn nam giới.		X
Bé trai không thích chơi búp bê.		X
Bé gái ít nghịch ngợm hơn bé trai.		X
Giọng nói của đàn ông không thanh như phụ nữ.	X	
Đàn ông thường nóng tính hơn phụ nữ.		X
Người vợ chăm con giỏi hơn người chồng		X



**KẾT LUẬN**

- Phân biệt giới và giới tính để nhận biết những khuôn mẫu mang định kiến giới cần được thay đổi để tiến tới bình đẳng giới...
- Nhầm lẫn giữa đặc điểm giới tính và đặc điểm giới (do dạy và học mà có) sẽ dẫn đến các quan niệm định kiến giới, cho rằng chỉ có nữ giới hay nam giới mới có thể đảm nhận được một số vai trò nhất định trong gia đình và trong xã hội...



**4. ĐỊNH KIẾN GIỚI**

- Định kiến giới là nhận thức, thái độ và đánh giá thiên lệch, tiêu cực về đặc điểm, vị trí, vai trò và năng lực của nam giới hoặc nữ giới.
- Ví dụ:
  - Đàn ông nông nổi giéng khơi, đàn bà sâu sắc như coi đưng trầu.
  - Con gái không nên theo học các ngành nghề có liên quan đến kỹ thuật.

**5. PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ VỀ GIỚI**

- Phân biệt đối xử về giới là việc hạn chế, loại trừ, không công nhận hoặc không coi trọng vai trò, vị trí của nam giới hoặc nữ giới, gây bất bình đẳng giữa nam giới và nữ giới trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình.
- Hiện tại vẫn còn tồn tại khá nhiều các hành vi phân biệt đối

xử về giới nhưng được xã hội coi đó là chuyện đương nhiên (không bị lên án)

- Ví dụ:
  - Con trai được hưởng thừa kế nhiều hơn con gái.
  - Công việc nội trợ và chăm sóc con cái là việc của phụ nữ.
  - Đàn ông xây nhà, đàn bà xây tổ ấm...

## 6. XÃ HỘI HÓA VỀ GIỚI

- Xã hội hóa giới là quá trình nhập tâm từ những giá trị, niềm tin, quy chuẩn về vai trò, đức tính của nam giới và nữ giới thông qua giáo dục, rèn luyện và thực hành.
- Quá trình xã hội hóa giới mang đậm nét văn hóa địa phương và có thể bị ảnh hưởng bởi những yếu tố bên ngoài như chính trị, kinh tế, môi trường, truyền thông đại chúng, đặc biệt là giáo dục trong gia đình và nhà trường.



## 7. VAI TRÒ GIỚI

- Là những công việc và những hoạt động cụ thể mà nữ giới và nam giới hiện đang làm trong thực tế.
- Thông thường đây là những công việc mà xã hội thường trông chờ ở mỗi cá nhân với tư cách là đàn ông hay đàn bà.
- Ví dụ: Nữ giới làm cô nuôi dạy trẻ; Nam giới làm lãnh đạo chủ chốt...
- Phân biệt ba vai trò giới: Vai trò sản xuất - Vai trò nuôi dưỡng, tái sản xuất sức lao động - Vai trò cộng đồng.

**BA  
VAI  
TRÒ  
GIỚI**

**Vai trò sản xuất**

Lao động kiếm sống, làm kinh tế, công việc có thu nhập,...



**Vai trò nuôi dưỡng,  
tái sản xuất sức lao động**

Chăm sóc và tái tạo sức lao động như nội trợ, chăm sóc con cái, chăm người ốm, các công việc không được trả công trong gia đình...



**Vai trò cộng đồng**

Các công việc chung trong cộng đồng nơi ta sinh sống như hội họp, làm vệ sinh thôn xóm, thăm hỏi, hiếu, hỷ...



**KẾT LUẬN**

- Vai trò giới có thể được thay đổi theo thời gian, cùng với sự phát triển của xã hội, nhanh hay chậm tùy vào sự tác động tích cực của mỗi giới tính, mỗi cá nhân và sự nỗ lực của tất cả các bên liên quan trong gia đình và xã hội.
- Vai trò của các thành viên trong gia đình phụ thuộc lẫn nhau. Ví dụ như vai trò sản xuất của nam giới thường dựa vào vai trò tái sản xuất của nữ giới. Thường nam giới có thì giờ rảnh rang để làm công tác chuyên môn hoặc hoạt động chính trị là vì vợ ông ta lo công việc nội trợ trong gia đình và chăm sóc các con.
- Nữ giới hiện đang là người thực hiện chính các vai trò sinh sản và nuôi dưỡng, dành thời gian nhiều cho các công việc không tên và giá trị công việc nữ giới thường không được xã hội và các nhà lập định chính sách đánh giá đầy đủ.
- Nam giới thường chủ yếu quan tâm đến vai trò sản xuất, làm ra tiền và được xã hội tôn trọng.

Nữ giới đang bị gánh nặng “ba vai”: vừa đảm nhận vai trò sản xuất như nam giới, vừa gánh vác thêm các vai trò nuôi dưỡng tái sản xuất sức lao động cho cả gia đình và các công việc chăm sóc trong cộng đồng, thiếu thời gian nghỉ ngơi và học tập nâng cao năng lực...

Vai trò giới có thể được thay đổi thông qua:

- Giáo dục trong gia đình
- Giáo dục trong nhà trường
- Tác động của truyền thông
- Quảng cáo
- Phát triển kinh tế xã hội
- Giao lưu văn hóa
- Rèn luyện, huấn luyện...

## 8. NHU CẦU GIỚI

Phân biệt giữa nhu cầu giới thực tế và nhu cầu giới chiến lược:



**Nhu cầu giới thực tế:** Là những nhu cầu có liên quan đến cải thiện điều kiện sống hiện tại nhưng vẫn duy trì mối quan hệ lệ thuộc của nữ giới vào nam giới (lệ thuộc về kinh tế, trong việc ra quyết định...).



**Nhu cầu giới chiến lược:** Còn được gọi là lợi ích giới, là những nhu cầu giúp cho cho nữ giới thoát khỏi vị trí lệ thuộc, yếu kém, làm thay đổi mối quan hệ bất bình đẳng giữa nam giới và nữ giới.

NHU CẦU GIỚI THỰC TẾ	NHU CẦU GIỚI CHIẾN LƯỢC
Nhu cầu trước mắt, ngắn hạn	Nhu cầu dài hạn
Đáp ứng riêng một số nữ giới và nam giới tại một số địa bàn nhất định.	Đáp ứng chung toàn bộ nữ giới và nam giới.
Đáp ứng nhu cầu hàng ngày: như nhu cầu về thực phẩm, nhà ở, thu nhập, chăm sóc sức khỏe ...	Liên quan đến sự thiệt thòi của nữ giới: như tiếp cận giáo dục đào tạo, phụ nữ làm lãnh đạo, ra các quyết định...
Dễ xác định dựa vào vai trò hiện tại của nam giới và phụ nữ.	Không dễ nhận ra nguyên nhân gốc rễ của những thiệt thòi và hạn chế của phụ nữ.
Vấn đề có thể được giải quyết thông qua cung cấp các đầu vào như lương thực, nhà cửa, bệnh viện...	Vấn đề được giải quyết chủ yếu thông qua nâng cao nhận thức, giáo dục, truyền thông, vận động...
<p><b>Trọng tâm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Cả nữ và nam giới cùng tham gia và là người hưởng lợi từ dự án.</li> <li>Cải thiện điều kiện sống cho cả nữ giới và nam giới.</li> </ul>	<p><b>Trọng tâm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Khuyến khích cả nữ giới và nam giới tham gia vào công tác quản lý, lãnh đạo, nâng cao năng lực để nữ giới trở thành lãnh đạo chủ chốt.</li> <li>Cải thiện vị trí của người phụ nữ về chính trị, kinh tế, xã hội.</li> </ul>
<b>Cơ bản không thay đổi được các vai trò truyền thống giữa nữ giới và nam giới</b>	<b>Nâng cao năng lực cho cả nữ giới và nam giới, cải thiện mối quan hệ giữa họ để tiến tới bình đẳng giới thực chất.</b>



## VÍ DỤ VỀ HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN ĐÁP ỨNG NHU CẦU GIỚI THỰC TẾ VÀ NHU CẦU GIỚI CHIẾN LƯỢC

- Hoạt động đáp ứng nhu cầu giới thực tế: Tổ chức thi nấu ăn giàu dinh dưỡng cho phụ nữ; Xây dựng nhà trẻ gần công ty để phụ nữ không phải đi gửi con ở xa...
- Hoạt động đáp ứng nhu cầu giới chiến lược: Tổ chức nấu ăn giàu dinh dưỡng cho cả nữ giới và nam giới; Thành lập câu lạc bộ các ông bố trẻ...

### KẾT LUẬN

- Nếu một dự án chỉ giúp nữ giới và nam giới thực hiện tốt hơn các vai trò vốn có của họ mà không làm thay đổi thực tế phân công lao động theo giới tính thì đó chỉ mới đáp ứng nhu cầu giới thực tế.
- Nếu dự án tạo điều kiện cho nữ giới và nam giới thực hiện những công việc vốn được coi là của giới tính khác, giúp họ đổi mới các vai trò truyền thống của mình để nâng cao bình đẳng nam nữ thì đó là đáp ứng nhu cầu giới chiến lược (lợi ích giới).
- Lợi ích giới là những lợi ích của cả nữ giới và nam giới khi thay đổi thực tế phân công lao động theo giới tính để nâng cao bình đẳng giữa nữ giới và nam giới.



## II. BÌNH ĐẲNG GIỚI

### 1. CEDAW - CÔNG ƯỚC VỀ XÓA BỎ MỌI HÌNH THỨC PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ CHỐNG LẠI PHỤ NỮ

- Bất bình đẳng giới là căn nguyên của phân biệt đối xử, lạm dụng và bóc lột phụ nữ.
- Công ước CEDAW: Công ước về xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ là sự đồng thuận quốc tế về những quyền cơ bản của phụ nữ và được coi là văn kiện quốc tế về quyền con người toàn diện nhất giải quyết vấn đề phân biệt đối xử chống lại phụ nữ.
- CEDAW: Được Đại hội đồng Liên hợp quốc phê chuẩn ngày 18/12/1979. Ngày 3/9/1981, sau khi nước thứ 20 thông qua, Công ước này bắt đầu có hiệu lực với tư cách một văn kiện quốc tế tổng hợp nhất về quyền con người của phụ nữ.



- Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên trên thế giới ký tham gia Công ước vào ngày 29/7/1980, phê chuẩn vào 27/11/1981.
- CEDAW thiết lập các quy tắc và chuẩn mực cho luật pháp và chính sách cần có để xóa bỏ phân biệt đối xử chống lại phụ nữ. Các quốc gia thành viên có nghĩa vụ trong luật pháp và các nghĩa vụ trên thực tế, có cơ chế theo dõi giám sát được thiết lập để đảm bảo thực thi công ước CEDAW.
- Khái niệm phân biệt đối xử theo CEDAW: “Phân biệt đối xử chống lại phụ nữ là bất kỳ sự phân biệt hay hạn chế nào dựa trên cơ sở giới tính làm ảnh hưởng hoặc nhằm mục đích làm tổn hại hoặc vô hiệu hóa việc phụ nữ được công nhận, thụ hưởng hay thực hiện các quyền con người và những tự do cơ bản trong lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, văn hóa, dân sự và các lĩnh vực khác trên cơ sở bình đẳng nam nữ, bất kể tình trạng hôn nhân của họ như thế nào”.

**Ba trụ cột chính của CEDAW: Không phân biệt đối xử; Bình đẳng giới thực chất và Nghĩa vụ quốc gia.**

## 2. PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI

- Hiến pháp (2013)
  - Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật.
  - Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội.
  - Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt. Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới.
  - Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội.
  - Nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới.

- Luật Bình đẳng giới (2007): Toàn bộ nội dung.
- Luật phòng chống Bạo lực gia đình (2007): Nạn nhân bạo lực gia đình được bảo vệ, giúp đỡ kịp thời phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của họ và điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước; ưu tiên bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em, người cao tuổi, người tàn tật và phụ nữ.
- Luật giáo dục (2020): Học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân. Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, đặc điểm cá nhân, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế đều bình đẳng về cơ hội học tập.
- Luật dân sự (2015): Mọi cá nhân, pháp nhân đều bình đẳng, không được lấy bất kỳ lý do nào để phân biệt đối xử; được pháp luật bảo hộ như nhau về các quyền nhân thân và tài sản. Cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận. Mọi cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng.



### 3. BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ CÁC CÁCH TIẾP CẬN

Phân biệt ba cách tiếp cận (quan điểm) về bình đẳng giới: Bình đẳng theo kiểu hình thức; Bình đẳng theo kiểu bảo vệ; Bình đẳng giới thực chất.

#### BÌNH ĐẲNG THEO KIỂU HÌNH THỨC

- Cách hiểu truyền thống và thông dụng nhất về bình đẳng.
- Coi nam giới và nữ giới như nhau, vì vậy đối xử với họ như nhau, không có ngoại lệ.
- Bỏ qua các khác biệt về sinh học giữa nam và nữ và các khác biệt do lịch sử để lại hay do xã hội quy định xuất phát từ định kiến giới.
- Cho rằng nữ giới có thể tiếp cận các cơ hội như cách của nam giới.
- Cách tiếp cận này tạo gánh nặng cho nữ giới, buộc họ phải thể hiện mình theo cách của nam giới.
- Còn gọi là mù giới.

#### BÌNH ĐẲNG THEO KIỂU BẢO VỆ

- Nhìn nhận sự khác biệt giữa phụ nữ và nam giới, nhưng xem xét các điểm yếu của nữ giới để đối xử khác biệt và cho rằng nữ giới cần được bảo vệ - Ví dụ không cho phụ nữ làm việc độc hại thay vì tạo môi trường lao động an toàn cho cả phụ nữ và nam giới.
- Cản trở sự lựa chọn của phụ nữ do ưu tiên cho phụ nữ một cách không hợp lý nên đã loại trừ họ ra khỏi nhiều cơ hội

phát triển cá nhân và phụ nữ bị coi là yếu ớt, không phù hợp với các công việc cần lòng dũng cảm.

- Do bị loại trừ trong một số cơ hội, phụ nữ bị mất hàng loạt cơ hội khác (ví dụ phụ nữ nên về hưu sớm hơn nam giới).
- Củng cố khuôn mẫu về nữ giới và không dẫn đến các biến đổi xã hội theo hướng bình đẳng thực chất.

#### BÌNH ĐẲNG GIỚI THỰC CHẤT

- Là một trong ba trụ cột chính của công ước CEDAW.
- Cách tiếp cận bình đẳng giới thực chất là có lợi như nhau cho cả phụ nữ và nam giới.
- Ghi nhận sự khác biệt giữa nam giới và nữ giới về sinh học và sự khác biệt văn hóa xã hội do lịch sử để lại và do xã hội đang quy định, sau đó đưa ra biện pháp giải quyết một cách thích hợp.
- Chú ý đến bình đẳng trong pháp luật và bình đẳng trong thực tế. Tức là không chỉ đơn thuần xem xét việc đảm bảo bình đẳng bằng văn bản mà quan trọng hơn là phải đảm bảo



bình đẳng về kết quả, xem xét xem nữ giới có được hưởng sự bình đẳng trong thực tế hay không. Xem xét các tác động của các biện pháp can thiệp chứ không chỉ dừng lại là đã có quy định về bình đẳng hay chưa.

- Điều chỉnh các môi trường có ảnh hưởng tiêu cực đối với nữ giới.
- Chú ý bình đẳng về cơ hội: tiếp cận cơ hội - sử dụng cơ hội - hưởng thụ bình đẳng từ cơ hội

### KẾT LUẬN

Bình đẳng giới thực chất là:

- Nữ giới và nam giới cùng tôn trọng nhau, cùng chia sẻ, cùng bàn bạc và cùng ra quyết định mọi công việc trong gia đình và xã hội.
- Nữ giới và nam giới cùng được học tập, bồi dưỡng về văn hóa, khoa học, kỹ thuật để nâng cao năng lực của mình.
- Nữ giới và nam giới cùng được sử dụng và kiểm soát (ra quyết định) về các nguồn lực (vay vốn, kỹ thuật công nghệ, lao động, giáo dục đào tạo, thông tin, đất đai...).
- Nữ giới phải được hưởng thụ đầy đủ như nam giới các lợi ích xã hội (thu nhập, sở hữu tài sản, quyền lợi chính trị, phúc lợi xã hội, y tế, giáo dục, nghỉ ngơi, vui chơi giải trí...).



## 4. BIỆN PHÁP THỨC ĐẨY BÌNH ĐẲNG GIỚI

- Biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới là biện pháp nhằm bảo đảm bình đẳng giới thực chất, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành trong trường hợp có sự chênh lệch lớn giữa nam và nữ về vị trí, vai trò, điều kiện, cơ hội phát huy năng lực và thụ hưởng thành quả của sự phát triển mà việc áp dụng các quy định như nhau giữa nam và nữ không làm giảm được sự chênh lệch này. Biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới được thực hiện trong một thời gian nhất định và chấm dứt khi mục đích bình đẳng giới đã đạt được.
- Không phải là xóa bỏ sự khác biệt sinh học giữa nam và nữ, không phải là làm cho nam và nữ giống nhau.
- Là đảm bảo không có sự phân biệt về cơ hội, sự tiếp cận, kiểm soát và sử dụng các nguồn lực theo giới tính.
- Là đảm bảo rằng phụ nữ và nam giới, bé gái cũng như bé trai có điều kiện như nhau thực thi năng lực của mình để cống hiến vào quá trình phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa và chính trị của cộng đồng và đất nước cũng như hưởng thụ các thành quả của sự phát triển đó.



- Là thay đổi các giá trị văn hóa xã hội, các niềm tin, thái độ và tập quán đang là nền tảng của bất bình đẳng giới trong xã hội.
- Làm cho xã hội nhận thức được những khó khăn, hậu quả do bất bình đẳng giới mang lại.
- Tạo ra sự thay đổi hành vi về giới ở tất cả các cấp từ cá nhân, gia đình, cộng đồng và xã hội.
- Thay đổi cấu trúc quyền lực hiện hành đang duy trì bất bình đẳng giới.
- Do hiện tại vị thế của phụ nữ đang thấp hơn nam giới nên các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới là tạm thời cần thiết. Các biện pháp tạm thời này sẽ giúp thu hẹp dần khoảng cách giới để phụ nữ có thêm cơ hội tiến dần tới bình đẳng thực chất với nam giới.
- Các biện pháp này không bị coi là phân biệt đối xử về giới. Các biện pháp này sẽ bị xóa bỏ khi phụ nữ và nam giới thực sự đã bình đẳng.



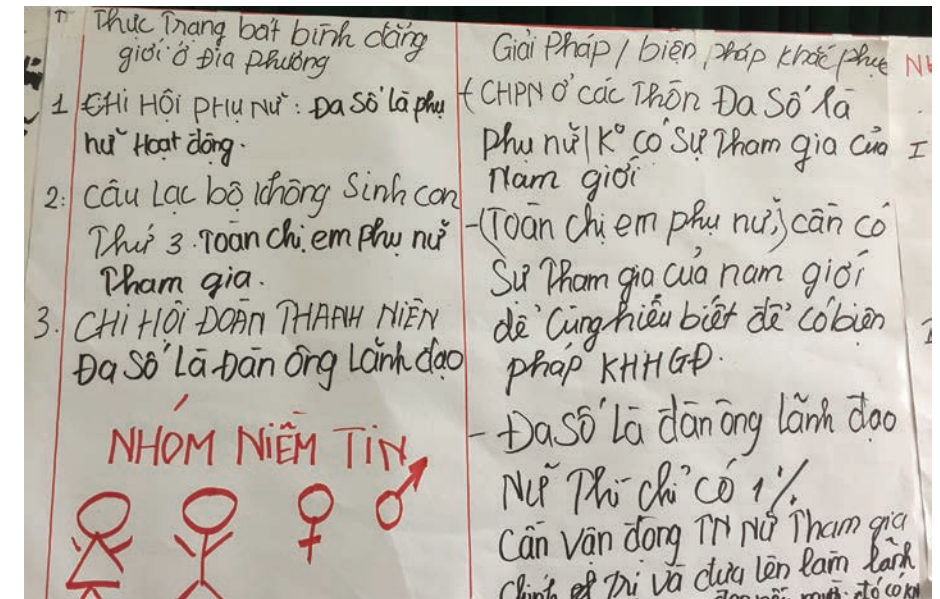
### III. BẤT BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ CÁCH NHẬN BIẾT

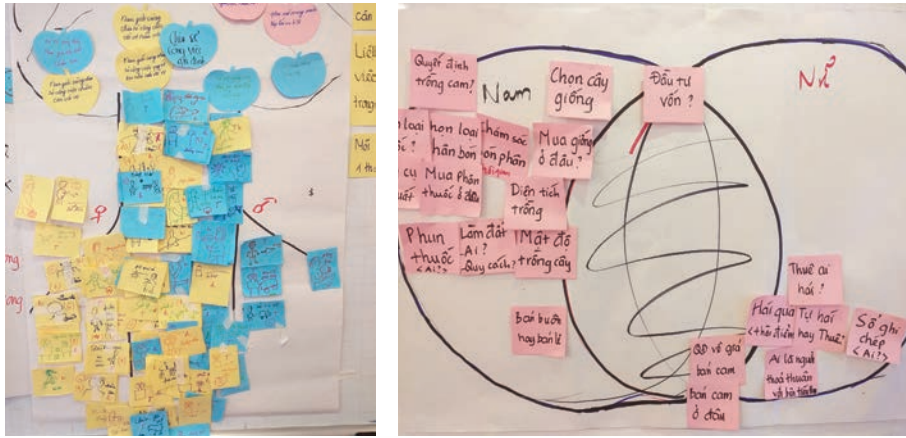
#### 1. BẤT BÌNH ĐẲNG GIỚI

- Bất bình đẳng giới xuất hiện ở khắp mọi nơi trên thế giới.
- Bất bình đẳng giới diễn ra trong mọi thời kỳ của lịch sử.
- Hiện tại, bất bình đẳng giới vẫn là một vấn đề nóng của nhân loại.

Nguyên nhân của bất bình đẳng giới là:

- Sự khác biệt về sinh học giữa nam và nữ dẫn đến sự phân chia lao động và định kiến về vai trò xã hội khác nhau giữa nam và nữ, tạo ra sự bất bình đẳng nam/nữ. Từ đó tổ chức xã hội/thể chế lại duy trì/tăng cường sự bất bình đẳng giữa nam/nữ.
- Khác biệt sinh học giữa nam và nữ không thể xóa bỏ hay thay đổi, trong khi thể chế và tổ chức xã hội thì có thể thay đổi để xóa bỏ dần bất bình đẳng giữa nam và nữ.





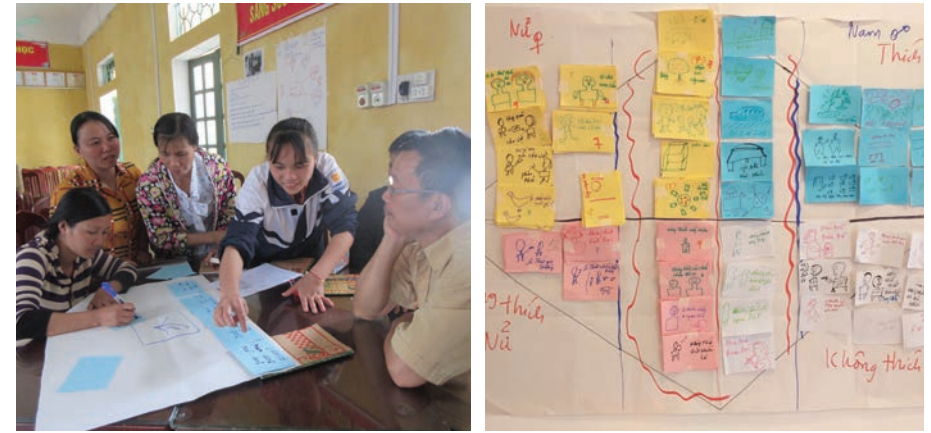
## 2. NHẬN BIẾT VỀ BẤT BÌNH ĐẲNG GIỚI

Để nhận biết về bất bình đẳng giới cần:

- Tách biệt các dữ liệu thống kê và nghiên cứu theo giới tính: nữ giới và nam giới.
- Thực hiện phân tích giới.
- Thực hiện lồng ghép giới vào các văn bản pháp luật và trong tất cả các bước của chu trình quản lý dự án phát triển.

## IV. PHÂN TÍCH GIỚI

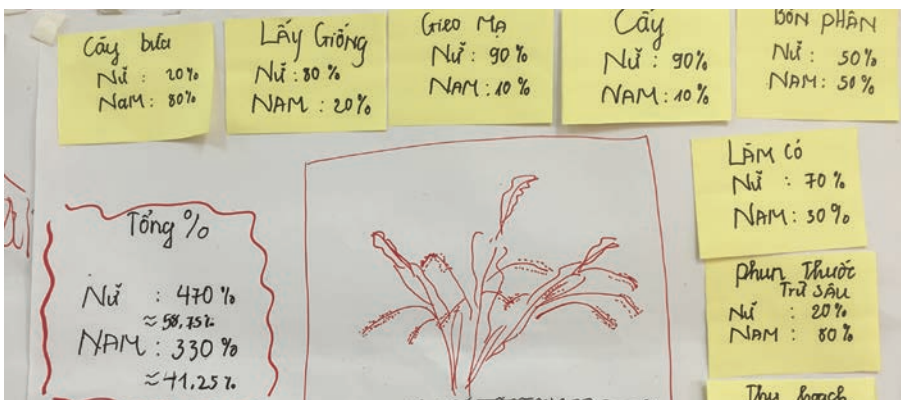
- Phân tích giới là hoạt động nghiên cứu giúp chúng ta hiểu một cách cặn kẽ về thực trạng của nữ giới và nam giới cũng như mối tương quan giữa họ, các hạn chế, nhu cầu và mối quan tâm của họ.
- Mục đích của phân tích giới: Tạo sự công bằng và bền vững trong việc ra quyết định liên quan đến nữ giới và nam giới.
- Phân tích giới là sử dụng các công cụ để trả lời các câu hỏi liên quan đến thực trạng của nữ giới và nam giới trong xã hội.



## MỘT SỐ CÔNG CỤ PHÂN TÍCH GIỚI

CÂU HỎI PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG NAM/NỮ	KHÁI NIỆM	CÔNG CỤ
Ai đóng vai trò gì?	Vai trò giới	Ba vai trò giới: phụ nữ/nam giới đóng đóng vai trò nào chính? Xã hội đánh giá các vai trò này như thế nào?
Ai làm cái gì?	Phân công lao động theo giới	Liệt kê các hoạt động/thu nhập của nam và nữ
Ai có cái gì? Ai quyết định cái gì?	Tiếp cận và kiểm soát nguồn lực	Thông tin về tiếp cận và kiểm soát các nguồn lực trong gia đình và xã hội. Nam hay nữ tiếp cận/kiểm soát chính?

Vị trí của nữ giới so với nam giới trong xã hội như thế nào?	Vị trí chính trị xã hội	Thông tin về vị trí của phụ nữ và nam giới trong xã hội (đa số nam hay nữ ở các vị trí cao hơn/thấp hơn?)
Ai có những nhu cầu gì?	Nhu cầu giới thực tế và nhu cầu giới chiến lược	Phân tích các nhu cầu giới thực tế và chiến lược, lý do nữ/nam có nhu cầu đó, thực trạng đáp ứng nhu cầu đó như thế nào?



## V. LỒNG GHÉP GIỚI VÀO CHU TRÌNH QUẢN LÝ DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

### 1. KHÁI NIỆM LỒNG GHÉP GIỚI

- Lồng ghép giới là một chiến lược tích hợp các mối quan tâm và lợi ích khác nhau của nữ giới và nam giới vào các bước lập kế hoạch, thực hiện, theo dõi giám sát và đánh giá các chính sách, các chương trình/dự án và luật pháp trong tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội, đảm bảo rằng các chương trình/dịch vụ được thực hiện phân tích giới và đánh giá tác động liên quan đến bình đẳng giới để có các hành động nhằm đạt bình đẳng giới sao cho cả nữ giới và nam giới đều được hưởng lợi bình đẳng. Mục tiêu cuối cùng của lồng ghép giới là để đạt bình đẳng giới.
- Là một biện pháp nhằm thực hiện mục tiêu bình đẳng giới bằng cách xác định vấn đề giới, dự báo tác động giới của văn bản, trách nhiệm, nguồn lực để giải quyết vấn đề giới trong các quan hệ xã hội được văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh.



## 2. TẠI SAO PHẢI LỒNG GHÉP GIỚI VÀO DỰ ÁN PHÁT TRIỂN?

- Hiện bất bình đẳng giới vẫn đang là vấn đề nóng của nhân loại và đặc biệt ở một số nước trong đó có Việt Nam.
- Nhận thức về bình đẳng giới thực chất ở Việt Nam còn khá hạn chế. Lồng ghép giới đồng thời để nâng cao nhận thức cho các bên liên quan về bình đẳng giới thực chất.
- Nam và nữ là hai nửa của loài người, cùng là động lực phát triển của loài người. Vì thế, sự bất bình đẳng không cho một nửa nhân loại phát huy hết tiềm năng của mình là kìm hãm phát triển của cả loài người.
- Nam giới và nữ giới đều là con người nên đều có các quyền con người như nhau. Bất bình đẳng là vi phạm quyền con người.
- Lồng ghép giới để phát hiện bất bình đẳng giới và có biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới.

### KẾT LUẬN

- Lồng ghép giới vào các hoạt động dự án là nhằm phát hiện vấn đề giới tại địa phương, nâng cao nhận thức về bình đẳng giới.
- Đề ra các biện pháp thu hẹp khoảng cách giới, đảm bảo hưởng lợi công bằng giữa nữ giới và nam giới, giữa bé gái và bé trai, hướng tới bình đẳng giới thực chất.
- Đảm bảo việc thực hiện các biện pháp tạm thời thúc đẩy bình đẳng giới của Nhà nước.

## 3. DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

### DỰ ÁN PHÁT TRIỂN

- Tập hợp mục đích và các mục tiêu.
- Sự kết hợp của các hoạt động để tạo ra các kết quả và đạt các mục tiêu đề ra.
- Thời gian bị giới hạn.
- Nguồn lực bị giới hạn: Nhân lực, vật tư, thiết bị, tài chính.
- Cơ hội để nâng cao năng lực cho các cá nhân và tổ chức.

Dự án là một quá trình tạo ra các kết quả cụ thể với những nguồn lực có hạn và được tồn tại trong một thế giới luôn biến động, nhiều mâu thuẫn và phụ thuộc lẫn nhau.





## MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN TRONG DỰ ÁN PHÁT TRIỂN

- **Mục đích (Mục tiêu tổng quát, Mục tiêu dài hạn):** khẳng định việc cải thiện hiện trạng mà dự án muốn đạt được.
- **Mục tiêu cụ thể:** khẳng định sự thay đổi cần thiết để góp phần đạt được mục đích phát triển dài hạn. Dự án không nên có quá nhiều mục tiêu (nhiều nhất là 3 mục tiêu).
- **Kết quả/đầu ra của dự án:** các đóng góp/sản phẩm để đạt được mục tiêu của dự án, là kết quả của các hoạt động do dự án thực hiện với nguồn lực cho phép.
- **Các hoạt động:** là các hành động nhằm đạt được các kết quả/đầu ra của dự án.
- **Chỉ số:** để đo đạc các kết quả thu được (định tính và định lượng). Chỉ số đo phải liên quan đến các kết quả mong đợi của dự án, thể hiện rõ số người hưởng lợi, số lượng/chất lượng sản phẩm, thời gian và địa điểm thực hiện.
- **Các rủi ro và cách giảm thiểu:** mô tả các hoàn cảnh rủi ro có thể xảy ra làm ảnh hưởng đến sự thành công của dự án và đề ra các biện pháp giảm thiểu rủi ro.

## DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

Là các dự án phát triển do cộng đồng tự lập kế hoạch và quản lý quá trình thực hiện nhằm:

- **Mục đích:** hướng tới phát triển cộng đồng bền vững.
- **Các mục tiêu:** Nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân như cải thiện điều kiện sống; cải thiện sinh kế; cải thiện vệ sinh môi trường; canh tác nông nghiệp phi hóa học hoặc hữu cơ; thúc đẩy bình đẳng giới, quyền phụ nữ và quyền trẻ em...

- **Các kết quả cần đạt:** Năng suất nông nghiệp, thu nhập được nâng lên; người dân tiếp cận dễ dàng hơn đối với các dịch vụ công; nông nghiệp được canh tác theo phương pháp phi hóa học hoặc hữu cơ; môi trường thôn xóm xanh, sạch, đẹp; phụ nữ và bé gái không bị phân biệt đối xử so với nam giới và bé trai...

## CHU TRÌNH QUẢN LÝ DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

- Quá trình phát triển cộng đồng (thôn/xóm) là tập hợp các dự án phát triển cộng đồng.
- Dự án phát triển cộng đồng là một chu trình khép kín, được thực hiện thường xuyên, luôn có sự tham gia của mọi người dân trong thôn để thực hiện các giải pháp phù hợp hướng tới phát triển cộng đồng bền vững.



- Chu trình quản lý dự án phát triển cộng đồng bao gồm bốn bước chính trong sơ đồ như sau:



## 4. LỒNG GHÉP GIỚI VÀO CHU TRÌNH QUẢN LÝ DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

- Lồng ghép giới vào chu trình quản lý dự án thực chất là đặt ra các câu hỏi phân tích giới và trả lời các câu hỏi này trong từng bước của sơ đồ chu trình quản lý dự án.
- Bảng kiểm lồng ghép giới là liệt kê các câu hỏi phân tích giới trong từng mảng hoạt động của chu trình quản lý dự án.
- Các chỉ số giới trong các bảng kiểm nhằm:
  - Đo lường khoảng cách giữa nam và nữ.
  - Đo lường vai trò, trách nhiệm và khả năng tiếp cận các nguồn lực của các thành viên khác nhau trong dự án.
  - Đánh giá các dữ liệu được phân chia theo giới tính (nữ giới/nam giới);
  - Tích hợp các vấn đề bất bình đẳng giới trong các hoạt động dự án;
  - Thể hiện tác động của những thay đổi trong mối quan hệ quyền lực giữa nữ giới và nam giới.
  - Đánh giá tiến bộ của việc đạt được các mục tiêu bình đẳng giới.
- Các câu hỏi chính trong phân tích giới và lồng ghép giới tập trung vào một số câu hỏi sau: Nữ giới hay nam giới?
  - Ai được tham gia vào hoạt động nào của dự án?
  - Ai được ra các quyết định?
  - Ai được tiếp cận và sử dụng nguồn lực?
  - Ai được hưởng lợi từ dự án?



**Bảng kiểm 1:** Một số câu hỏi lồng ghép giới khi phân tích hiện trạng

1. Dự án có sự tham gia của cả nam giới và nữ giới vào quá trình phân tích hiện trạng không? Tỷ lệ tham gia của nữ giới/nam giới?
2. Dự án có phân tích hiện trạng về vai trò tham gia và vai trò ra quyết định của nữ giới/nam giới trong gia đình và cộng đồng không?
3. Hiện có các rào cản nào về thể chế/văn hóa ảnh hưởng đến sự tham gia và ra quyết định của nữ giới và nam giới trong gia đình và cộng đồng không?
4. Phân tích hiện trạng có phản ánh thực trạng, nhu cầu và tác động khác nhau đối với nữ giới và nam giới không?
5. Nhóm hưởng lợi có được phân chia theo giới tính (nữ giới/nam giới) không?
6. Các câu hỏi khác (nếu có)?



**Bảng kiểm 2:** Một số câu hỏi lồng ghép giới khi lập kế hoạch

1. Dự án có mục tiêu, kết quả, đầu ra nào hướng tới bình đẳng giới thực chất không?
2. Dự án có phương pháp giải quyết các vấn đề về giới đã được xác định trong quá trình phân tích hiện trạng không?
3. Dự án có xây dựng các chỉ số về giới và đo lường được các thay đổi về giới không?
4. Liệu các hoạt động dự kiến có đảm bảo sự tham gia bình đẳng của nữ giới/nam giới không?
5. Dự án có đảm bảo cả nữ giới và nam giới sẽ được ra các quyết định liên quan không?
6. Dự án có các hoạt động nâng cao nhận thức giới không?
7. Dự án có các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới không?
8. Các hoạt động dự kiến liệu có tác động tích cực/tiêu cực đến nữ giới/nam giới không?
9. Các chuyên gia giới liệu có được tham gia vào dự án hay tư vấn cho dự án không?
10. Các câu hỏi khác (nếu có)?

**Bảng kiểm 3:** Một số câu hỏi lồng ghép giới trong quá trình thực hiện dự án

1. Tỷ lệ nữ giới và nam giới trong Ban quản lý dự án có cân bằng không?
2. Nữ giới có là đối tác bình đẳng với nam giới trong việc ra quyết định về phát triển, sử dụng và tiếp cận công nghệ, tài chính và các khía cạnh khác trong công tác quản lý dự án không?
3. Các hoạt động dự án hướng tới đáp ứng nhu cầu giới thực tế hay nhu cầu giới chiến lược?
4. Nữ giới có bị tạo thêm gánh nặng khi tham gia vào dự án không?
5. Nữ giới và nam giới có được tiếp cận thông tin, tài nguyên và cơ hội để thực hiện trách nhiệm của họ một cách bình đẳng không?
6. Nữ giới và nam giới có được trả công một cách công bằng cho các công việc như nhau không?
7. Sự tham gia của nữ giới có thể ảnh hưởng tích cực đến các quyết định quản lý dự án hay chỉ đơn thuần là tăng khối lượng công việc cho họ?
8. Hình thức đóng góp của người hưởng lợi có được cân nhắc tới yếu giới tính (nữ giới/nam giới) không?
9. Các câu hỏi khác (nếu có)?

**Bảng kiểm 4:** Một số câu hỏi lồng ghép giới trong quá trình giám sát

1. Những thành phần nào tham gia vào quá trình giám sát dự án? Tỷ lệ nữ giới và nam giới?
2. Các công cụ/phương pháp giám sát có đề cập đến giới không? Các dữ liệu có tách biệt theo giới tính (nữ giới/nam giới) không?
3. Các hoạt động dự án đã tác động tích cực/tiêu cực đến nữ giới/nam giới như thế nào?
4. Các kết luận và phát hiện từ các phản hồi trong quá trình giám sát có được thông báo đến các thành phần liên quan cho cả nữ giới và nam giới không?
5. Các phát hiện sau giám sát có được điều chỉnh kịp thời không? Có vấn đề nào liên quan đến giới không?
6. Các yếu tố thể chế/văn hóa nào đã cản trở thúc đẩy bình đẳng giới trong dự án? Có cần điều chỉnh hoạt động dự án liên quan không?
7. Các yếu tố thể chế/văn hóa nào đã tạo điều kiện cho thúc đẩy bình đẳng giới trong các hoạt động dự án? Làm thế nào để tận dụng các yếu tố này?
8. Dự án có đo lường được những thay đổi liên quan đến giới không? (sự tham gia bình đẳng vào việc ra quyết định, bình đẳng trong tiếp cận và kiểm soát đối với các nguồn lực, dịch vụ xã hội, tỷ lệ bạo lực trên cơ sở giới, sự tự tin và

lòng tự trọng của nữ giới, khả năng lãnh đạo, cam kết của nam giới trong việc hỗ trợ trao quyền cho nữ giới...)

9. Các câu hỏi khác (nếu có)?

**Bảng kiểm 5:** Một số câu hỏi lồng ghép giới khi đánh giá dự án

1. Những thành phần nào tham gia vào cung cấp đầu vào và phản hồi trong đánh giá dự án? Tỷ lệ nữ giới và nam giới?
2. Các công cụ/phương pháp đánh giá có đề cập đến giới không? Các dữ liệu có tách biệt theo giới tính (nữ giới/nam giới) không?
3. Các hoạt động dự án đã tác động tích cực/tiêu cực đến nữ giới/nam giới như thế nào? Vì sao?
4. Dự án đã tạo ra các thay đổi gì trong quan hệ giữa nữ giới và nam giới (vai trò sản xuất, vai trò tái sản xuất, vai trò cộng đồng)?
5. Các yếu tố thể chế/văn hóa nào đã cản trở việc thúc đẩy bình đẳng giới trong dự án? Vì sao?
6. Các yếu tố thể chế/văn hóa nào đã tạo điều kiện cho việc thúc đẩy bình đẳng giới trong dự án? Vì sao?
7. Những bài học kinh nghiệm về giới sẽ được sử dụng cho công việc trong tương lai như thế nào?
8. Các câu hỏi khác (nếu có)?

## VI. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Công ước CEDAW – Công ước xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ - Đại Hội đồng Liên hiệp quốc (1979).
2. Luật bình đẳng giới: Quốc hội khóa XI, nước CHXHCN Việt Nam thông qua tại kỳ họp thứ 10 số 73/2006 ngày 29/11/2006.
3. Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030 (Nghị quyết số 28/NQ-CP, ngày 03/3/2021).
4. DWC: Chính sách giới (2021).
5. Oxfam Vietnam: Bảng kiểm lồng ghép giới trong các hoạt động nâng cao nhận thức, tư vấn pháp luật và hỗ trợ pháp lý (2019).
6. DWC: Giới và dự án phát triển: Xuất bản tại Công ty TNHH Bao Bì Thăng Long. Số đăng ký KHXB 1180-2009/CXB01-437/LĐXH.

